TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-PT
Ngày: 08/3/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời cây trồng trả đất và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Ông Lê Hồng Nước;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2022/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời cây trồng trả đất và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*."

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 421/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Hồ Quang K, sinh năm 1973;

1.2. Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng Đ là luật sư của Công ty L3 – Chi nhánh tỉnh Đ thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978;

2.2. Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1967;

3.2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975;

3.3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp Tháp.

3.4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968;

3.5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp B, xã A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Bà Nguyễn Thị L1 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L1:

Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Ông Nguyễn Văn N (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N:

- Ông Nguyễn Văn Toàn A, sinh năm 1981;

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1981;

- Ông Nguyễn Văn Toàn E, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp Tháp.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh N1, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P là bị trong vụ án.

(Ông K, bà L, ông T, bà P, luật sư Đ có mặt tại phiên tòa, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L trình bày: Vào ngày 12/4/2006, vợ chồng bà có nhờ bà C đứng ra thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị G khoảng 1.200m^2 đất thuộc thửa đất số 1257, tờ bản đồ số 6 do

bà G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp T, xã P, với giá 16.000.000đồng. Khi chuyển nhượng, 2 bên có thỏa thuận là chuyển nhượng 1.000m^2, phần đất còn lại tính từ mí nhà bà G qua đất ông ba Ngây trở ra lộ làng (lộ nhựa) bên bà G giao luôn cho bên bà C quản lý và sử dụng (có giấy tay sang nhượng do bà G lập giao cho bên bà giữ). Khi chuyển nhượng có nhờ ông T2 và ông H2 đo đạc thực tế phần đất trên và có cắm các trụ đá để làm ranh. Sau đó giữa vợ chồng bà với bên bà G đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục sang tên theo quy định. Sau khi chuyển nhượng, bên bà G đã giao toàn bộ phần đất trên cho vợ chồng bà L quản lý và sử dụng để canh tác lúa. Năm 2018, vợ chồng bà L tiến hành xây nhà thì ông T ra tranh chấp. Phần đất ông T tranh chấp có diện tích là 199m^2 (chiều ngang giáp lộ làng là 11,47 mét, chiều ngang sau hậu là 11,85 mét, chiều dài giáp nhà ông T là 17,45 mét, chiều dài giáp nhà ông H3 là 16,66 mét).

Nay bà L, ông K yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà P phải di dời các cây trồng để giao trả lại phần đất tranh chấp.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P trình bày: Vào năm 2006, mẹ ông (bà G) có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà C 1.000m^2 đất lúa thuộc 1 phần thửa đất số 1257, tờ bản đồ số 6, do bà G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá là 16.000.000đồng. Khi chuyển nhượng 2 bên có làm giấy tay, có nhờ ông H2 và ông T2 (cháu bà C) tiến hành đo đạc thực tế phần đất trên. Sau khi mẹ ông chuyển nhượng phần đất trên thì có giao đất cho bên bà C quản lý và sử dụng. Đối với phần đất đang tranh chấp hiện nay có diện tích là 199m^2 (chiều ngang giáp lộ làng là 11,47 mét, chiều ngang sau hậu là 11,85 mét, chiều dài giáp nhà ông T là 17,45 mét, chiều dài giáp nhà ông H3 là 16,66 mét). Phần đất này mẹ ông không có bán cho bà C mà phần đất trên mẹ ông đã cố cho ông Đặng Văn C1 chưa chuộc lại. Còn việc bà C sau khi sang nhượng phần đất của mẹ ông thì canh tác luôn phần đất tranh chấp thì ông không biết giữa bà C với ông C1 có thỏa thuận gì thì ông không biết. Năm 2018 bà L tiến hành xây nhà trên phần đất trên, ông phát hiện nên tranh chấp cho đến nay.

Nay vợ chồng ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L, ông K, vì phần đất tranh chấp mẹ ông không có bán cho bà C. Nay vợ, chồng ông yêu cầu Tòa án hủy 1 phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa mẹ ông (bà G) với vợ chồng ông K đối với thửa đất số 1257, tờ bản đồ số 6, do vợ chồng ông K đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc vợ chồng ông K có trách nhiệm giao trả lại cho bên ông 465m^2 (trong đó có diện tích 199m^2 đang tranh chấp) thuộc 1 phần của thửa 1257, tờ bản đồ số 6, cho vợ chồng ông, để ông đăng ký lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị C trình bày: Vào ngày 12/4/2006 vợ chồng ông K có nhờ bà đứng ra thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị G khoảng 1.200m^2 đất thuộc thửa đất số 1257, tờ bản đồ số 6 do bà G đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp T, xã P, với giá 16.000.000đồng. Khi chuyển nhượng, 2 bên có thỏa thuận là chuyển nhượng

1.000m^2, với giá 16.000.000đồng, phần đất còn lại tính từ mí nhà bà G qua đụng đất ông ba Ngây trở ra lộ làng (lộ nhựa) bên bà G giao luôn cho bên bà quản lý và sử dụng (có giấy tay sang nhượng do bà G lập). Khi chuyển nhượng có nhờ ông T2 và ông H2 đo đạc thực tế phần đất trên và có cắm các trụ đá để làm ranh. Sau đó giữa bên bà G và bên bà L có đến Ủy ban nhân dân xã để làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Sau khi chuyển nhượng, bên bà G đã giao toàn bộ phần đất trên cho vợ chồng bà L quản lý và sử dụng để canh tác lúa. Năm 2018, vợ chồng bà L tiến hành cất nhà ở, thì ông T ra tranh chấp. Phần đất tranh chấp là của vợ chồng bà L, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Toàn E, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn T3 Anh trình bày: Trước đây mẹ của các ông, bà (bà G) có chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị C 1.000m^2 đất thuộc thửa 1257,tờ bản đồ số 6, do mẹ các ông, bà (bà G) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất trên là của cá nhân bà G. Nay bà G chết các ông, bà là hàng thừa kế của bà G thống nhất giao phần đất tranh chấp lại cho vợ chồng ông T tranh chấp với vợ chồng ông K, các ông, bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P có trách nhiệm giao trả lại phần đất tranh chấp có diện tích là 199m^2, thuộc 1 phần thửa 1257, tờ bản đồ số 6 do ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 1257 có chiều dài là 11,85 mét (từ mốc số 7 đo đến mốc số 8);

Hướng Nam giáp với nhà ông Đỗ Văn H4 có chiều dài là 16,66 mét (Từ mốc số 1 đo đến mốc số 7);

Hướng Tây giáp với lộ làng (lộ nhựa) có chiều dài là 11,47 mét (từ mốc số 1 đo đến mốc số 2);

Hướng Bắc giáp với phần còn lại của thửa 1257 có chiều dài là 17,45 mét (từ mốc số 2 đo đến mốc số 8).

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng có trên thửa đất tranh chấp gồm: 07 (Bảy) cây mít và 22 (Hai mươi hai) cây mai vàng để giao trả đất lại cho ông K và bà L quản lý và sử dụng.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 25/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 18/02/2022 của Tòa án).

- Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Hồ Quang K, cụ thể như sau: Ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L thống nhất chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T phần đất có diện tích là 226m^2, cụ thể như sau:

Hướng Tây giáp với lộ làng (lộ nhựa) có chiều dài là 15,45 mét (Từ mốc số 2 đo đến mốc số 3);

Hướng Bắc giáp với Trường học có chiều dài là 18,11 mét (Từ mốc số 3 đo đến mốc số 4);

Hướng Đông giáp với thửa 1257 (phần bán cho vợ chồng ông K) có chiều dài là 14,54 mét (Từ mốc số 4 đo đến mốc số 8);

Hướng Nam giáp với thửa 1257 (phần bán cho vợ chồng ông K) có chiều dài là17,45 mét (Từ mốc số 2 đo đến mốc số 8).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 25/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2022 của Tòa án).

Ông Nguyễn Văn T và bên ông Hồ Quang K được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 657.000đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T và bà P đã nộp là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010084 ngày 10/3/2021 và biên lai thu tiền tạm ứng án phì số 0003697 ngày 18/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Ông T và bà P còn phải nộp tiếp 57.000đồng.

Ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010357 ngày 23/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 7 năm 2022, bà Lê Thị Trúc P1, ông Nguyễn Văn T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thuyện Tam Nông, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, bà P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, không thỏa thuận được với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu phản tố trước đây, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nguồn gốc đất là của bà G (mẹ ông T), nhưng bà G đã thỏa thuận chuyển nhượng cho bà C (chị ông K) vào năm 2006. Việc chuyển nhượng này đã được các bên thừa nhận. Có làm giấy tay ngày 12/4/2006 có chữ ký tên của các bên, ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của bà G (mẹ ông T), bà G, ông T đã thỏa thuận chuyển nhượng lại cho bà C (chị ông K) vào năm 2006. Việc chuyển nhượng này đã được các bên thừa nhận. Có làm giấy tay ngày 12/4/2006, việc chuyển nhượng phần đất trên, có đến Ủy ban nhân dân xã để làm thủ tục sang tên theo quy định và vợ chồng ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà P, ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy 1 phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/5/2006 giữa mẹ ông (bà G) với vợ chồng ông K và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông K trả lại 199m^2 đất, thuộc 1 phần của thửa 1257, tờ bản đồ số 6, hiện do vợ chồng ông K đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì phần đất này mẹ ông (bà G) không có chuyển nhượng cho bà C và vợ chồng ông K. Xét thấy, phần đất tranh chấp này trước đây bà G

đã thỏa thuận giao cho cho vợ chồng ông K, bà L theo như giấy tay năm 2006 và từ khi nhận đất vợ chồng ông K, bà L quản lý và sử dụng cho đến nay, vợ chồng ông T sinh sống gần phần đất trên (giáp ranh) và biết việc vợ chồng ông K sử dụng đất, nhưng vợ chồng ông T không có ý kiến hay tranh chấp gì. Chứng tỏ, phần đất này vợ chồng ông K đã sử dụng hợp pháp và việc chuyển nhượng đất giữa các bên, đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, vợ chồng ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc này phù hợp với lời khai những người làm chứng như: Ông S, ông H2, ông C2, ông T2 và bà D1. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, chứng minh cho việc kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[5] Về án phí:

Do không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà P nên ông T bà P phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P phải giao cho ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L diện tích đất 199m^2, trong phạm vi các mốc 01, 02, 08, 07 trở về mốc 01, tại một phần thửa 1257, tờ bản đồ số 6 giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp cho ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L vào ngày 22/8/2006, đất tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P phải di dời toàn bộ tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nói trên để giao cho ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L theo quy định.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Quang K, bà Đỗ Thị Bích L như sau: Ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L thống nhất chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T phần đất có diện tích là 226m^2, trong phạm vi các mốc 02, 03, 04, 08 trở về mốc 02, tại một phần thửa 1257, tờ bản đồ số 6 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L vào ngày 22/8/2006, đất tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân dân huyện Tam Nông và sơ đồ đo đạc ngày 25/7/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc P.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 657.000đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T và bà P đã nộp là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010084 ngày 10/3/2021 và biên lai thu tiền tạm ứng án phì số 0003697 ngày 18/5/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Ông T và bà P còn phải nộp tiếp 57.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0013212 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Trả lại cho ông Hồ Quang K và bà Đỗ Thị Bích L 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010357 ngày 23/10/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND H. Tam Nông;
- CCTHADS H. Tam Nông;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Mỹ